

TTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 357/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ... C
Ngày: 11/3/2020...

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

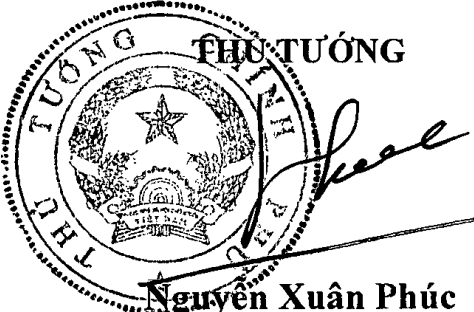
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Chính phủ triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

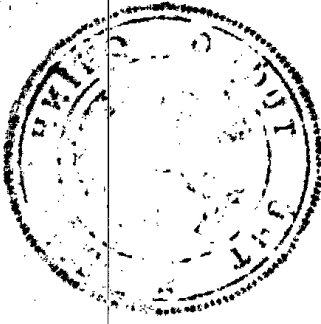
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTT, KGVX, TH, NC, HC, TCCV, QHĐP, PL, ĐMDN, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). 167



THỦ TƯỚNG
THỦ TƯỚNG
Nguyễn Xuân Phúc

OK 2011.5.12.12.12.12



KẾ HOẠCH

**Triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019
của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X
về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 357/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)*

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Kết luận số 54-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị (viết tắt là Kết luận số 54-KL/TW) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (viết tắt là Nghị quyết Trung ương 7 khóa X). Để thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Kết luận số 54-KL/TW trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ phân công trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị (viết tắt là Kết luận số 97-KL/TW) về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X và bổ sung các nhiệm vụ mới theo Kết luận số 54-KL/TW đối với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Yêu cầu

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng Kế hoạch hành động, cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, văn bản pháp luật và tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để tiếp tục hiện thực hóa Nghị quyết Trung ương 7 khóa X.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Kết luận số 97-KL/TW và Kết luận số 54-KL/TW.

a) Các bộ, ngành và cấp ủy, chính quyền địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 7 khóa X và Kết luận số 97-KL/TW, Kết luận số 54-KL/TW. Trên cơ sở kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, cần nghiêm túc đánh giá những mặt còn hạn chế, nguyên nhân và các bài học kinh nghiệm rút ra, từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, nhân rộng cách chỉ đạo tốt, những mô hình hay nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đến năm 2020 và năm 2025 của Nghị quyết Trung ương 7 khóa X.

b) Tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và mọi người dân về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân và xây dựng nông thôn mới trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hình thức tuyên truyền phù hợp với các đối tượng. Đẩy mạnh triển khai các phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X.

2. Thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Trong từng lĩnh vực, tiến hành rà soát, xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp theo 3 trục sản phẩm (sản phẩm chủ lực quốc gia; sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; sản phẩm đặc sản địa phương theo mô hình “mỗi xã một sản phẩm”), lồng ghép vào các quy hoạch phát triển ngành cấp quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, các vùng và từng địa phương. Cơ cấu lại sản xuất theo vùng nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi vùng và của từng địa phương; tổ chức liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm; giải quyết xử lý chất thải trong quá trình sản xuất để bảo vệ môi trường sống của người dân nông thôn.

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến, kết nối với thị trường tiêu thụ; kết nối với mạng lưới tiêu thụ toàn cầu; nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam, cả thị trường nội địa và quốc tế.

b) Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp, phát triển công nghiệp, ngành nghề dịch vụ ở nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả lao động, tăng thu nhập, chất lượng đời sống người dân khu vực nông thôn.

Tăng cường đầu tư, ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tổn thất sau thu hoạch, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao. Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ và dịch vụ hỗ trợ để hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản. Hình thành hệ thống logistic nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, thương mại của hàng nông sản.

Phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, các ngành nghề, công nghiệp, dịch vụ, đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều lao động gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

3. Thực hiện xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững, đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn.

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nhất là các vùng, địa phương còn nhiều khó khăn nhằm hoàn thành và nâng cao chất lượng các mục tiêu xây dựng nông thôn mới như Nghị quyết đã đề ra tới năm 2020 và theo đúng yêu cầu tại Kết luận số 54-KL/TW.

b) Nâng cao thu nhập của người dân nông thôn, hỗ trợ làm giàu, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách an sinh xã hội ở khu vực nông thôn. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân khu vực nông thôn theo hướng bền vững. Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn. Hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường. Quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững.

c) Xây dựng, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2030 gắn với công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn. Xây dựng nông thôn mới phải gắn với yêu cầu đô thị hóa, nhất là các khu vực ven các đô thị lớn. Nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới, từng bước tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của các đô thị văn minh, xanh, sạch, đẹp, bình an, giàu bản sắc văn hóa truyền thống.

4. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp.

a) Tiếp tục đổi mới và nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, trọng tâm là phát triển doanh nghiệp nông nghiệp. Đẩy mạnh liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

b) Đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp, phát triển kinh tế trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức liên kết giữa nông dân, tổ chức hợp tác của nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản để nâng cao thu nhập cho người dân và chuyển đổi cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn.

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; hoàn thành sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Tiếp tục đầu tư phát triển nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

a) Phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, gắn với phát triển đô thị và toàn nền kinh tế, đặc biệt là các công trình giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, công trình phòng, chống thiên tai, công trình phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, hệ thống hạ tầng thương mại ở nông thôn.

b) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, Luật Thủy lợi và Luật Phòng, chống thiên tai. Phát triển thủy lợi đa mục tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp. Xây dựng cơ sở

hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, hiện đại nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro thiên tai, chủ động đối phó trong mọi tình huống, đặc biệt là ngập lụt, bão lũ, hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn.

c) Đa dạng hóa nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế để xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu ở khu vực nông thôn. Khuyến khích, thu hút đầu tư tư nhân gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công.

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0, chuyển giao khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn.

a) Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và khuyến nông, khuyến khích tối đa, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với cơ chế thị trường. Phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. Khuyến khích mạnh mẽ doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0 trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.

b) Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ và ứng dụng khoa học công nghệ trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, chọn tạo, phổ biến các giống mới, các quy trình sản xuất hiệu quả; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, viễn thông, viễn thám trong nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

c) Nâng cao năng lực hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ đảm bảo đủ các yếu tố về cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người tiếp cận và chuyển tải được tiến bộ khoa học công nghệ của thế giới. Nâng cao năng lực hệ thống quản lý, nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo đủ giống có chất lượng tốt và giá trị thương mại cao, tạo đột phá mới về năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của ngành.

7. Đổi mới và nâng cấp chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Thực hiện các giải pháp đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động để tăng năng suất lao động nông nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp ở nông thôn; xây dựng, triển khai chương trình, đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn nhằm đảm bảo an sinh xã hội nông thôn; hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại và xuất khẩu lao động nông nghiệp. Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn gắn theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, ứng dụng

công nghệ cao, công nghệ số, thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương và định hướng phát triển dịch vụ, công nghiệp ở khu vực nông thôn theo thế mạnh của từng vùng và địa phương.

8. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, sinh thái nông thôn.

a) Nâng cao trình độ thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai:

- Từng vùng, địa phương cụ thể hóa kịch bản tác động của biến đổi khí hậu; xây dựng Kế hoạch ứng phó và lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp; nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai bằng áp dụng các công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và phòng chống thiên tai; xây dựng các phương án thích ứng và chủ động trước mọi tình huống.

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các dự án nghiên cứu, sản xuất các giống thủy sản, vật nuôi, cây trồng chịu hạn, mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Tăng diện tích trồng rừng mới, đẩy mạnh khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển; bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp. Phát huy có hiệu quả các chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và tính đa dạng sinh học của rừng. Thực hiện chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên biển. Thực hiện nghiêm các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Quốc hội về quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh, phát huy các tiềm năng phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng.

c) Triển khai hiệu quả các nội dung và giải pháp về bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách để khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường. Chuyển đổi mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn thực phẩm, có chứng nhận, có truy xuất nguồn gốc. Đẩy mạnh sản xuất theo phương thức hữu cơ, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp tăng giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, nhất là ở các làng nghề; triển khai hiệu quả các nội dung và giải pháp để nâng cao ý thức của nhân dân trong bảo vệ môi trường nói chung, đặc biệt là môi trường nông thôn.

9. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, huy động các nguồn lực đa dạng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

a) Nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông thôn. Hoàn thiện chính sách đất đai theo hướng quản lý chặt chẽ, bảo vệ và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai trên cơ sở hình thành thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp, bảo vệ quyền lợi của nông dân. Tạo điều kiện cho nông dân sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp, bao gồm cả đất trồng lúa để đạt thu nhập cao hơn.

b) Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh chính sách thuế theo hướng ưu đãi hơn cho các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn, tạo nhiều việc làm và thu nhập cho nông dân; tăng nguồn thu cho ngân sách cấp xã, huyện. Phát triển hệ thống bảo hiểm nông nghiệp.

c) Đổi mới hệ thống tài chính, tín dụng, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và doanh nghiệp để vốn tín dụng trở thành một trong các kênh đầu tư quan trọng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

d) Xây dựng cơ chế lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; tạo cơ chế hấp dẫn để thu hút các thành phần kinh tế khác ngoài nhà nước và vốn ODA và FDI.

đ) Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các nhiệm vụ và giải pháp Chính phủ giao tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2019 về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững; tiếp tục hoàn thiện và triển khai cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

10. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

a) Kiện toàn tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, trước hết là các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII của Đảng: số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị; số 19-NQ/TW về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành từ trung ương đến địa phương, làm rõ chức năng hành chính công, xóa bỏ trùng lặp, coi trọng, tăng cường hệ thống quản lý nhà nước về nông nghiệp cho cấp huyện, xã. Rà soát lại tổ chức thú y, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản từ trung ương đến địa phương, bảo đảm các điều kiện về cán bộ và phương tiện, kịp thời, không chể và dập tắt các dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm, thủy sản và cây trồng, tăng cường kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm.

b) Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính nhà nước, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh, các thủ tục kiểm tra chuyên ngành không cần thiết.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X ban hành tại Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ, Kế hoạch thực hiện Kết luận số 97-KL/TW tại Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này.

1. Các bộ, ngành và cơ quan trung ương

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu, theo dõi, tổng hợp tình hình, định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 và Kế hoạch cơ cấu lại ngành giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; đánh giá hiệu quả triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở từng vùng, khu vực, đặc biệt đối với các vùng khó khăn; nghiên cứu, xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn, phù hợp với yêu cầu và điều kiện của giai đoạn 2021- 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan, các địa phương triển khai Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương thực hiện Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển

nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Nghị quyết số 112/2015/QH13 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương triển khai Quyết định số 1203/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các nhiệm vụ và giải pháp Chính phủ giao tại Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2019 về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững. Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách quy định, tạo điều kiện thuận lợi nhất trong bố trí nguồn lực và thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương rà soát, tổng hợp đề xuất dự án của các địa phương đề nghị hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cân đối hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu xây dựng cơ chế huy động các nguồn lực nhà nước, nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế và các thành phần kinh tế xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là công trình giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, công trình phục vụ phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng thương mại ở nông thôn.

c) Bộ Tài chính:

- Chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp, thu hút đầu các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu, sửa đổi đơn giản hóa các thủ tục hành chính về thuế.

- Chủ trì triển khai hiệu quả Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách bảo hiểm theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

d) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các địa phương triển khai hiệu quả các Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015, số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng chủ động cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục vay vốn; đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng tăng khả năng tiếp cận vốn cho người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển thị trường tín dụng vi mô, phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính mới phù hợp với khu vực nông thôn bao gồm dịch vụ thanh toán, chuyển tiền giá trị nhỏ, tiết kiệm, bảo hiểm; tăng cường củng cố, chấn chỉnh, đảm bảo các tổ chức tài chính vi mô và hệ thống quỹ tín dụng nhân dân hoạt động an toàn, bền vững, đúng mục tiêu.

- Tiếp tục phối hợp với các địa phương tăng cường kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng, đặc biệt là các doanh nghiệp, dự án ứng dụng công nghệ cao, các doanh nghiệp đầu mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

đ) Bộ Công Thương:

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường rà soát, nghiên cứu các hàng rào kỹ thuật và thương mại đối với nông sản xuất khẩu; điều hành hoạt động xuất nhập khẩu một cách linh hoạt và hiệu quả, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm phát triển xuất khẩu nông sản và bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành có liên quan và các địa phương nghiên cứu xây dựng chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển cụm công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, các ngành nghề, công nghiệp, dịch vụ, đặc biệt là các ngành sử dụng nhiều lao động gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

e) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên quan đẩy mạnh, ưu tiên triển khai Chương trình sản phẩm quốc gia, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia và các chương trình khoa học công nghệ khác cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành có liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách có liên quan tới tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; nghiên cứu cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan, các địa phương rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách để khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường.

g) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 và các quy định pháp luật khác có liên quan theo hướng khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương có liên quan rà soát diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả nhằm chuyển đổi sang đất nuôi trồng các loại cây, loại con khác có hiệu quả hơn và xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đảm bảo sử dụng đất đai tiết kiệm, có hiệu quả và đảm bảo an ninh lương thực; thực hiện nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất lúa kém hiệu quả sang đất “công nghiệp và dịch vụ nông thôn” đảm bảo công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân, quyền lợi của Nhà nước và nhà đầu tư, không để xảy ra khiếu kiện.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo các địa phương xử lý triệt để các vi phạm pháp luật về đất đai theo thẩm quyền; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai theo thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

h) Bộ Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành có liên quan, các địa phương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản để kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát lại tổ chức thú y từ trung ương đến địa phương, bảo đảm các điều kiện về cán bộ và phương tiện, kịp thời phòng, khống chế và dập tắt các dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm, thủy sản, tăng cường kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm.

i) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về giảm nghèo; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đánh giá, sơ kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; đánh giá hiệu quả của Chương trình đối với người nông dân, đặc biệt là ở các vùng khó khăn; nghiên cứu, đề xuất xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các địa phương tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu của người sử dụng lao động, gắn đào tạo với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh...) và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

k) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các địa phương xây dựng chính sách về thông tin và truyền thông phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan, các địa phương mở các chuyên trang, chuyên mục, dành thời lượng phù hợp truyền truyền sâu rộng về Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình đầu tư công lĩnh vực nông

ng nghiệp, nông thôn và đề án, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Tuyên truyền những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả, các gương điển hình tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

1) Ủy ban Dân tộc:

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan nghiên cứu, xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

2. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy vai trò, nâng cao chất lượng các báo, tạp chí, các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết, Kết luận. Xây dựng kế hoạch, tăng cường vận động nhân dân thực hiện Nghị quyết, giám sát việc thực hiện.

- Hội Nông dân Việt Nam phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan, các địa phương triển khai nhiệm vụ được giao trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đề án, kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp và các chương trình, đề án về phát triển nông nghiệp, nông thôn có liên quan khác.

- Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của đơn vị triển khai những nhiệm vụ được giao tại Kết luận số 54-KL/TW.

3. Cấp ủy và chính quyền địa phương các cấp

- Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 7 khóa X và Kết luận số 54-KL/TW, Kế hoạch thực hiện của Chính phủ cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch của địa phương với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương; đồng thời đề phục vụ việc xây dựng báo cáo chính trị trình đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2025.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình đầu tư công, đề án, kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp và các chương trình, đề án về phát triển nông nghiệp, nông thôn khác trên địa bàn.

- Bố trí ngân sách địa phương các cấp, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tổ chức triển khai hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách của địa phương khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 54-KL/TW NGÀY 07 THÁNG 8 NĂM 2019
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA X
VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Hình thức văn bản
I	XÂY DỰNG CÁC CHIẾN LƯỢC				
1	Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2	Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
3	Chiến lược phát triển lâm nghiệp đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
4	Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
5	Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, UBND các tỉnh, thành phố	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
6	Chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Hình thức văn bản
II XÂY DỰNG CÁC QUY HOẠCH NGÀNH QUỐC GIA					
1	Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2021	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2	Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2021	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
3	Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2021	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
4	Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2021	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
III XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025					
A Các chương trình mục tiêu quốc gia					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Hình thức văn bản
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Ủy ban Dân tộc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
B	Các chương trình đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025				
1	Chương trình phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
3	Chương trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
4	Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Hình thức văn bản
IV	XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH				
1	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Luật
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, UBND các tỉnh, thành phố	2020	Luật
3	Nghị định quy định về tập trung, tích tụ đất đai cho sản xuất nông nghiệp	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Nghị định
4	Nghị định của Chính phủ về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Nghị định
5	Nghị định về quản lý giống cây lâm nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Nghị định
6	Nghị định đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Nghị định thay thế Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg
7	Ban hành danh mục sản phẩm cơ khí chế tạo, linh kiện, máy nông nghiệp và sản phẩm phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được hỗ trợ đầu tư	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Hình thức văn bản
8	Chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển các cụm công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Nghị định của Chính phủ
9	Chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, lâm, thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ mới tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Nghị định của Chính phủ
10	Chính sách hỗ trợ và ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu của người sử dụng lao động, gắn đào tạo với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh,...) gắn với các định hướng phát triển dịch vụ - công nghiệp của từng địa phương, gắn với kỹ năng và kinh nghiệm của các làng nghề; đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Nghị định của Chính phủ
11	Chính sách hợp lý để thu hút các nghệ nhân tham gia đào tạo nghề	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Nghị định của Chính phủ
V	XÂY DỰNG CÁC ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN				
1	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Hình thức văn bản
2	Đề án “Đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030”	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Y tế và các bộ, ngành liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Kết luận của Bộ Chính trị; Nghị quyết của Chính phủ
3	Đề án phát triển logistic gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
4	03 Đề án phát triển 03 ngành chế biến về: Rau củ quả, thủy hải sản, gỗ và sản phẩm từ gỗ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Công Thương, các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án phát triển ngành hàng chế biến dược liệu	Bộ Y tế	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
6	Đề án phát triển ngành muối	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
7	Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
8	Đề án tổng thể phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển trên cả nước	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Hình thức văn bản
9	Đề án tổng thể phòng, chống thiên tai khu vực miền Trung và Tây Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực miền Trung và Tây Nguyên	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
10	Đề án tổng thể phòng, chống thiên tai khu vực miền núi phía Bắc	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực miền núi phía Bắc	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
11	Đề án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
12	Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến 2030”	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
13	Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập thông tin, dự báo tình hình thị trường	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Công Thương, các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2020	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ